

VÀI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ XHCN Ở TRUNG QUỐC

ĐINH CÔNG TUẤN*

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ XHCN Ở TRUNG QUỐC

1. 30 năm xây dựng CNXH theo mô hình Xô viết (1-1-1949 đến 12-1978)

Ngay sau khi nước CHND Trung Hoa được thành lập (1-10-1949), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông, cả dân tộc Trung Hoa cùng đồng tâm hăng hái bước vào công cuộc xây dựng CNXH.

Có thể tóm tắt 30 năm xây dựng CNXH theo mô hình Xô viết ở Trung Quốc thành 5 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn khôi phục kinh tế và cải cách ruộng đất (1949-1952)

“Trong lĩnh vực kinh tế, Trung Quốc tiến hành khôi phục lại nền kinh tế sau chiến tranh, bao gồm cả công nghiệp và nông nghiệp. Đến cuối năm 1952, giai đoạn khôi phục lại nền kinh tế quốc dân ở Trung Quốc đã kết thúc. Về cơ bản, nhiệm vụ xoá bỏ tàn dư phong kiến đã hoàn thành. So với sản lượng của năm cao nhất trước giải phóng, sản lượng thép của Trung Quốc đã vượt 46,2%, than vượt 7,4%, sản lượng nông nghiệp tăng 48,5%, lương thực tăng 44,8%, dầu ăn tăng 60%, bông tăng 1,93 lần” (1).

- Giai đoạn cải tạo XHCN và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I (1953-1957)

Đến năm 1953, Trung Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I (1953-1957) đồng thời cả nước bước vào thời kỳ cải tạo XHCN, thiết lập hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể. Về nông nghiệp, Trung Quốc đã xây dựng và phát triển hai loại hình hợp tác xã “hợp tác nông nghiệp sơ cấp” (bán XHCN) và “hợp tác xã nông nghiệp cao cấp” (100% XHCN). Do muốn mau chóng tiến lên sản xuất lớn XHCN, Trung Quốc đã xây dựng hàng loạt các “Hợp tác xã nông nghiệp cao cấp”. Chỉ trong vòng mấy tháng, phong trào “công xã nhân dân hoá” đã được triển khai mạnh mẽ trên địa bàn toàn quốc với tốc độ “đại nhảy vọt”. Trong năm 1958, hơn 740 nghìn “hợp tác xã nông nghiệp sơ cấp” đã sát nhập thành hơn 26 nghìn các “công xã nhân dân” trong toàn quốc. Thể chế “công xã nhân dân” lấy “nhất đại, nhị công” (một là lớn, hai là công hữu) và “chính xã hợp nhất” (chính quyền và công xã hợp làm một) làm đặc điểm cơ bản cho việc xây dựng CNXH.

Ở thành phố, Trung Quốc đã xây dựng hàng loạt các xí nghiệp quốc doanh theo mô

* TS. Viện Nghiên cứu châu Âu.

hình: To (về số lượng), dày (về quy mô), dài (về kế hoạch) với đường lối “dĩ cương vi cương” (lấy công nghiệp nặng - gang thép làm cơ sở). Họ chỉ chấp nhận hai hình thức sở hữu: nhà nước và tập thể, còn tất cả các hình thức sở hữu khác đều bị loại bỏ. Chủ nghĩa chủ quan duy ý chí “tả khuynh” trong tư tưởng và hành động đã phát triển. Hậu quả của nó âm ỉ và dai dẳng tàn phá cơ chế kinh tế xã hội Trung Quốc suốt 30 năm sau. Tuy nhiên, khách quan mà nói, kế hoạch 5 năm lần thứ I đã thu được những thành tựu ban đầu, vượt hơn trước thời kỳ giải phóng. Đến cuối năm 1957, “Trung Quốc đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ I, so với năm 1952, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 129%, nông nghiệp tăng 25%, tổng thu nhập quốc dân (GDP) tăng 53% mức tiêu phí trung bình của cư dân toàn quốc tăng 23%” (2).

- Giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ II (1958-1961)

Do thu được những kết quả ban đầu trong kế hoạch 5 năm lần thứ I, Trung Quốc đã đưa ra đường lối phát triển kinh tế với sự tăng vọt lên nhiều lần trong kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ II: “Dốc lòng hăng hái, tranh thủ vươn lên hàng đầu, xây dựng CNXH nhanh - nhiều - tốt - rẻ”. Để thực hiện đường lối chung đó, cả nước Trung Quốc đã dấy lên phong trào “Ba ngọn cờ hồng” (đường lối chung, đại nhảy vọt, công xã nhân dân). Xuất phát từ nhiệt tình cách mạng cuồng nhiệt của hàng trăm triệu nông dân, với hy vọng trong một khoảng thời gian ngắn, Trung Quốc có thể nhảy vọt lên địa vị cường quốc thế giới, như Chủ tịch Mao Trạch Đông đã nói: “Trung Quốc có thể nhảy vọt chứ không đi lên CNXH như trước kia nữa” (3).

Về công nghiệp: Chủ tịch Mao Trạch Đông đề ra: “Chúng ta phải bằng bất cứ giá

nào, trong vòng 3 năm, 5 năm hoặc 7 năm biến Tổ quốc chúng ta thành một cường quốc công nghiệp”. Để thực hiện khẩu hiệu này, Trung Quốc đã dấy lên phong trào toàn dân làm công nghiệp, toàn dân làm gang thép, hàng triệu lò thủ công, lò rèn gia đình đã mọc lên như nấm để sản xuất gang thép cho đất nước.

Về nông nghiệp: Phong trào xây dựng công xã nhân dân đã phát triển rộng khắp nông thôn. Hầu như toàn Trung Quốc đến cuối năm 1958 đã xây dựng xong mô hình công xã nhân dân với cơ cấu tổ chức như sau: một công xã nhân dân gồm nhiều đại đội sản xuất, một đại đội sản xuất gồm nhiều đội sản xuất, một đội sản xuất gồm nhiều hộ gia đình. Đây là một đơn vị sản xuất khép kín, tự cung, tự cấp, không có mối liên hệ kinh tế chiều ngang, tổ chức lao động cường bức kiểu trại lính, gộp quản lý kinh tế, văn hoá với chính quyền, kinh doanh thống nhất, phân phối cào bằng, bình quân chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế kinh tế tự nhiên, bán tự nhiên.

Xã hội Trung Quốc đã trở nên trì trệ, lạc hậu, kém phát triển, sản xuất nông nghiệp bị giảm sút, sản xuất nói chung đình đốn ngưng trệ, nhân dân trông chờ ỷ lại, nạn đói xảy ra ở khắp nơi, Trung Quốc đang đi đến con đường bế tắc.

Để khắc phục những sai lầm đó, không còn con đường nào khác, Trung Quốc phải tiến hành sửa sai, điều chỉnh đường lối xây dựng kinh tế. Từ năm 1961, đất nước Trung Quốc bước vào giai đoạn mới, giai đoạn điều chỉnh kinh tế.

- Giai đoạn điều chỉnh kinh tế xã hội (1961-1965)

Để khắc phục những hậu quả nghiêm trọng trong xây dựng kinh tế, từ ngày 14 đến 18-1-1961, Đảng Cộng sản Trung Quốc

đã triệu tập Hội nghị Trung ương 9 khóa VII và thông qua "Phương châm 8 chữ: Điều chỉnh, củng cố, bổ sung, nâng cao", coi đó là đường lối mới trong xây dựng CNXH giai đoạn này và quyết định: đưa sản xuất nông nghiệp lên vị trí hàng đầu, sửa đổi, điều chỉnh chính sách công xã nhân dân, dùng các đòn bẩy kinh tế để khuyến khích sản xuất, hạn chế chủ nghĩa bình quân trong sản xuất (4). Trong thời kỳ này, nhà kinh tế học nổi tiếng Tôn Dã Phương đã đưa các quan điểm kinh tế táo bạo, đúng đắn như khoán trong sản xuất nông nghiệp, nới rộng kinh tế gia đình, kinh tế cá thể, phát triển nhiều hình thức kinh doanh, hạn chế chủ nghĩa bình quân trong phân phối, xây dựng mô hình kinh tế: "Nông, Khinh, Trọng" (nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng). Những tư tưởng cải cách này đã được triển khai trong giai đoạn này, và đã trở thành cơ sở để xây dựng lý luận cải cách kinh tế Trung Quốc sau này. Kết quả, năm 1965 qua 5 năm điều chỉnh, khôi phục và phát triển kinh tế, giá trị tổng sản phẩm công - nông nghiệp Trung Quốc tăng 59% so với năm 1957 (năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm lần thứ I). Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, thu chi tài chính quốc gia được cân bằng, vật giá ổn định, bộ mặt kinh tế - xã hội Trung Quốc đã có những thay đổi lớn lao. Nhân dân đã lấy lại được niềm tin vào CNXH.

- *Giai đoạn "Đại cách mạng văn hoá" và trước cải cách (1965-1978)*

Cuộc "Đại cách mạng văn hoá" đã phá bỏ hoàn toàn những thành tựu thu được trong giai đoạn điều chỉnh 1961-1965. Nền kinh tế Trung Quốc lại được tổ chức theo kiểu mệnh lệnh quân sự nghiêm ngặt, các biện pháp kinh tế được tiến hành trong thời kỳ "Đại nhảy vọt" lại được áp dụng trở

lại một cách cuồng nhiệt hơn, chủ nghĩa bình quân kiểu trại lính được thi hành triệt để hơn. Nền kinh tế Trung Quốc trong thời kỳ này trở nên điêu tàn. Quá trình sản xuất bị gián đoạn, đình trệ, xã hội rối ren, phức tạp. Năm 1976, Chủ tịch Mao Trạch Đông qua đời, cuộc "Đại cách mạng văn hoá" kết thúc. Nhưng hậu quả của nó để lại cho đất nước Trung Quốc thật nặng nề: nền kinh tế bị đẩy lùi hàng chục năm, xã hội rối ren, Trung Quốc tiến tới sát bên bờ miệng của sự sụp đổ (5).

Như vậy sau 3 thập kỷ xây dựng CNXH theo kiểu cũ (mô hình Xô viết), bên cạnh những thành tựu mà Trung Quốc đã thu được như: Xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng những nhà máy xí nghiệp quốc doanh to lớn, tạo dựng nên ngành nông nghiệp hơn hẳn trước giải phóng.. nhưng tư tưởng tả khuynh đã phát triển mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chủ nghĩa chủ quan, duy ý chí trong việc hoạch định đường lối xây dựng CNXH, quá tập trung quyền lực nhà nước, dùng kế hoạch pháp lệnh để chỉ huy toàn bộ nền kinh tế đất nước, coi biện pháp "đấu tranh giai cấp" là vũ khí thường trực. Điều đó làm cho sản xuất bị đình trệ, đời sống nhân dân ngày càng xuống cấp, tình hình xã hội phức tạp. Đó là nguyên nhân thúc đẩy Trung Quốc phải nhanh chóng tiến hành công cuộc cải cách và mở cửa để đáp ứng với những đòi hỏi trong nước và phù hợp với xu thế phát triển ở khu vực và thế giới (6).

2. Quá trình 26 năm cải cách - mở cửa, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc (tháng 12-1978 đến nay)

Năm 1978, sau cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý và việc uốn nắn sai lầm trên phương diện lý luận tư tưởng mang tính toàn quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc

tiến hành thắng lợi Hội nghị Trung ương 3 khoá XI, nêu quyết sách chiến lược, chuyển trọng tâm công tác của Đảng sang xây dựng kinh tế và cải cách mở cửa, đánh dấu bước ngoặt mang tính lịch sử vĩ đại. Hội nghị lần này mang ý nghĩa thời đại to lớn và là mốc son mới trong lịch sử của Đảng và đất nước Trung Quốc, mở ra cục diện mới tiến hành cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá ở Trung Quốc (7).

Kể từ thời điểm mở đầu cho công cuộc cải cách và mở cửa cho đến nay (9-2004), Trung Quốc đã trải qua hơn 1/4 thế kỷ xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản, bằng những cố gắng không mệt mỏi của cả dân tộc, công cuộc cải cách mở cửa, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc đã thu được những thành tựu vĩ đại khiến cả thế giới phải thán phục. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, đến nay Trung Quốc đã đứng vào hàng ngũ các cường quốc trên thế giới, tăng trưởng GDP hàng năm đạt khoảng 9,4%, tăng trưởng xuất khẩu duy trì trên 16% đưa Trung Quốc trở thành nước xuất khẩu khẩu lớn thứ 4 trên thế giới (xếp sau các nước Mỹ, EU, Nhật Bản), dự trữ ngoại tệ tính đến tháng 8-2004 vào khoảng 483 tỷ USD (đứng sau Nhật Bản 800 tỷ USD), quy mô nền kinh tế khoảng 1.300 tỷ USD (đứng hàng thứ 6 trên thế giới), trong bảng xếp hạng về cán cân sức mua PPP, nền kinh tế Trung Quốc xếp thứ 2 thế giới (đứng sau Mỹ) (8). Vừa qua Trung Quốc đã trở thành nước đứng thứ 3 trên thế giới (sau Nga và Mỹ) thực hiện thành công việc phóng con tàu có người lái bay vào vũ trụ. Sự nghiệp cải cách và mở cửa đã đem lại cho Trung Quốc những thành tựu huy hoàng. Bởi vì, mục đích của cải cách là nhằm thay đổi căn bản thể chế kinh tế kế hoạch tập trung cao độ, trói buộc sự phát triển kinh tế, xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, giải

phóng và phát triển sức sản xuất xã hội, tìm tòi con đường xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc. Quá trình 26 năm cải cách, mở cửa ở Trung Quốc có thể được chia thành 3 giai đoạn phát triển:

- *Giai đoạn thứ nhất (từ tháng 12-1978 đến tháng 9-1984)*. Đây là giai đoạn mở đầu của cải cách. Trọng điểm của cải cách là nông thôn, đồng thời tiến hành mở rộng thí điểm quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp quốc doanh ở thành phố, xây dựng 4 đặc khu kinh tế, mở cửa 14 thành phố ven biển.

- *Giai đoạn thứ hai (từ tháng 10-1984 đến tháng 12-1991)*. Đây là giai đoạn cải cách toàn diện nền kinh tế mà trọng điểm là cải cách ở thành phố, trong đó cải cách xí nghiệp quốc hữu là trọng tâm, cải cách giá cả là then chốt. Cải cách từ lĩnh vực kinh tế chuyển dần sang lĩnh vực xã hội như khoa học kỹ thuật, giáo dục. Ở nông thôn, Trung Quốc phát triển loại hình xí nghiệp hương trấn. Lĩnh vực kinh tế đối ngoại Trung Quốc mở cửa các thành phố ven sông (1985), các bán đảo (1986), xây dựng "chiến lược kinh tế vùng ven biển", mở cửa khu mới Phố Đông (1990), xây dựng đặc khu kinh tế thứ 5: Đảo Hải Nam (1986).

- *Giai đoạn thứ ba (từ tháng 1-1992 đến nay)*. Đây là giai đoạn xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN, với bộ khung 8 điểm bao gồm: Cải cách các xí nghiệp quốc hữu, xây dựng các xí nghiệp hiện đại; Xây dựng hệ thống thị trường; Cải cách chế độ phân phối và bảo hiểm; Cải cách nền hành chính quốc gia; Ổn định các quan hệ sản xuất cơ bản ở nông thôn; Cải cách hệ thống khoa học, công nghệ, giáo dục; Cải cách hệ thống pháp lý; Cải cách kinh tế đối ngoại, công tác mở cửa tiến hành ở các thành phố ven biên giới, xây dựng các khu khai thác các cấp (9).

II. MỘT SỐ THÀNH TỰU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

Nhìn lại chặng đường 55 xây dựng nền kinh tế XHCN ở Trung Quốc, giới nghiên cứu đều có những đánh giá đồng nhất về những thành tựu mà Trung Quốc đã đạt được như sau:

1. *Thể chế kinh tế*: Trong 30 năm đầu (1949-1978) Trung Quốc xây dựng nền kinh tế kế hoạch tập trung cao độ, được sử dụng bằng các biện pháp hành chính. Hai mươi sáu năm sau (1978-2004), Trung Quốc đã tiến hành cải cách, xây dựng nền kinh tế thị trường XHCH. Sự vận hành của nền kinh tế thị trường XHCN đã đem lại hiệu quả kinh tế lớn, đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.

2. *Cơ cấu kinh tế*: Trước cải cách, cơ cấu kinh tế bất hợp lý. Trên 80% dành cho nông nghiệp còn công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ lệ rất thấp. Sau cải cách cơ cấu kinh tế ở Trung Quốc đã có sự chuyển dịch rất lớn. Hiện nay cơ cấu đó được biểu hiện như sau:

- Khu vực kinh tế thứ nhất (công nghiệp) chiếm khoảng 15%.

- Khu vực kinh tế thứ hai (nông nghiệp) chiếm khoảng 51%.

- Khu vực kinh tế thứ ba (dịch vụ) chiếm khoảng 34% (10).

3. *Quan hệ sở hữu*: Trong 30 năm đầu, Trung Quốc chỉ có 2 hình thức sở hữu là Nhà nước và tập thể thì 26 năm cải cách, họ đã thực hiện bước chuyển đổi cơ bản từ thể chế “nhất đại, nhị công” sang thể chế lấy công hữu làm chủ thể, sở hữu nhiều thành phần cùng phát triển.

4. *Chế độ phân phối*: Trong 55 năm xây dựng nền kinh tế XHCN, Trung Quốc đã có bước chuyển từ chế độ phân phối bình quân

chủ nghĩa (từ 1949-1978) sang chế độ phân phối theo lao động là chính, các hình thức phân phối khác cùng tồn tại, cho phép các yếu tố sản xuất tham gia vào phân phối, kết hợp giữa cống hiến có hiệu quả của người lao động với lợi ích kinh tế, cho phép một bộ phận người và khu vực qua lao động, kinh doanh hợp pháp có thể giàu trước, kiên trì nguyên tắc ưu tiên hiệu quả và công bằng (1978-2004).

5. *Quản lý vĩ mô*: Nhà nước đã thực hiện chuyển đổi cơ bản phương thức điều tiết kinh tế từ trực tiếp sang gián tiếp (kế hoạch, tài chính, ngân hàng...)

6. *Xây dựng khung pháp lý tương ứng với nền kinh tế thị trường XHCN*: Nền kinh tế thị trường XHCN càng phát triển thì việc xây dựng khung pháp lý càng cần được đẩy mạnh, hoàn thiện. Quốc hội Trung Quốc đã thông qua rất nhiều bộ luật, quy định dưới luật nhằm phát huy tác dụng to lớn trong việc quy hoạch các hoạt động kinh tế chủ thể, bảo vệ trật tự thị trường, tăng điều tiết vĩ mô, nâng cao ý thức pháp luật, tăng cường bảo hộ quốc tế và bản quyền.

7. *Nông nghiệp*: Trong 55 năm qua, Trung Quốc đã thực hiện bước chuyển cơ bản từ chế độ công xã nhân dân sang thể chế kinh doanh hai tầng (tập thể, thống nhất và cá thể, phân tán) nghĩa là kết hợp hài hoà giữa hai tầng tập thể với cá thể (thống nhất và phân tán), trong đó lấy khoán kinh doanh đến hộ gia đình là chính.

8. *Công nghiệp*: Các xí nghiệp quốc hữu được chuyển đổi từ thể chế truyền thống sang xây dựng chế độ xí nghiệp hiện đại. Nghĩa là cải cách xí nghiệp quốc hữu đã chuyển từ giai đoạn mở rộng quyền tự chủ kinh doanh, thực hiện chế độ khoán kinh doanh sang cơ chế cổ phần hoá, kinh doanh

xí nghiệp, xây dựng chế độ xí nghiệp hiện đại.

9. Phát triển mạnh mẽ giáo dục và khoa học kỹ thuật: Trung Quốc thực hiện chiến lược khoa học - giáo dục chấn hưng Trung Hoa, nghĩa là đặt khoa học, kỹ thuật, giáo dục lên vị trí chiến lược ưu tiên. Công tác khoa học, kỹ thuật, đã hướng vào chiến trường chính là xây dựng, phát triển kinh tế. Năm 2001, con số tuyển sinh đại học, cao đẳng cả nước chiếm 78,8% tổng số học sinh tốt nghiệp cấp 3 phổ thông. Số sinh viên đại học tăng gấp đôi so với năm 1998. Năm 2002, số sinh viên Trung Quốc chiếm 14% số người cùng độ tuổi (18-22 tuổi). Từ năm 1995, Trung Quốc thực hiện "Chương trình 211" (hướng tới thế kỷ XXI, ra sức xây dựng 100 trường đại học trọng điểm).

Về khoa học kỹ thuật: Từ sau cải cách, Trung Quốc đã tiến hành 5 chương trình khoa học công nghệ chính sau đây:

- Chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ trọng điểm, bắt đầu từ năm 1982 nhằm tăng cường phát triển công nghiệp bằng cách tập trung các nguồn lực vào công nghệ.

- Chương trình "tia lửa" năm 1986 nhằm phát triển kinh tế nông thôn thông qua phát triển khoa học và công nghệ, đưa thành tựu khoa học - kỹ thuật - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Chương trình phát triển nghiên cứu kỹ thuật cao (863) được giới thiệu vào tháng 3-1987. Nhiệm vụ của Chương trình 863 là theo dõi và so sánh trình độ công nghệ tiên tiến của thế giới và đề xuất những kế hoạch nhằm thực hiện phù hợp với tình hình Trung Quốc.

- Chương trình "ngọn đuốc" bắt đầu từ năm 1988 với mục tiêu là phát triển các ngành công nghệ mới ở Trung Quốc.

- Chương trình nghiên cứu cơ bản trọng điểm quốc gia, còn gọi là Chương trình 973. Chương trình nhằm khuyến khích hỗ trợ dự án nghiên cứu đem lại các phát minh sáng chế, hỗ trợ mục tiêu phát triển công nghệ đến năm 2010.

Cả 5 chương trình trên đều đang được triển khai, trong đó có điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế (trong nước và thế giới). Do sự cố gắng liên tục nhiều năm, Trung Quốc đã có 11% thành quả kỹ thuật cao đạt hoặc giữ được trình độ đi đầu thế giới. Ví dụ như việc nhân bản thành công cừu, bò; đã gây trồng thành công cây bông chống sâu bằng gen chuyển đổi; kỹ thuật quan trọng máy tính với tính năng cao, kỹ thuật mạng viễn thông, kỹ thuật tổng đài điện tử số, kỹ thuật lặn nước sâu không người (Rô bốt dưới nước 6.000m)... Trong vòng 10 năm qua, giá trị sản lượng ngành kỹ thuật cao tăng bình quân mỗi năm trên 20%, tỷ lệ trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân tăng từ 1% lên đến 15%. Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu các loại sản phẩm kỹ thuật cao đạt 46,5 tỷ USD, chiếm 17,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Trung Quốc đã xây dựng 53 khu phát triển kỹ thuật cao cấp Nhà nước đạt 144,2 tỷ USD, lợi nhuận thực hiện và nộp thuế trên 15,5 tỷ USD, xuất khẩu và doanh thu ngoại tệ đạt 226,6 tỷ USD (11).

10. Trong 30 năm đầu xây dựng CNXH (1949-1978), Trung Quốc chưa chú trọng đến vấn đề xây dựng các khu vực kinh tế trọng điểm thì trong 26 năm cải cách họ đã chú ý và xây dựng được những khu vực kinh tế đầu tàu có tác dụng lôi kéo sự phát triển các khu vực khác trong cả nước.

Hiện nay, Trung Quốc đã xây dựng được những cơ cấu công nghiệp mới dọc khu vực ven biển làm thay đổi mối quan hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn. Có thể kể ra 3

khu vực đầu tàu kinh tế của Trung Quốc ở vùng ven biển, nơi mà khoa học, kỹ thuật, công nghệ đã đóng góp đặc lực vào sự phát triển kinh tế.

Thứ nhất, khu vực châu thổ sông Trường Giang bao gồm Thượng Hải và 14 thành phố khác ở phía Nam tỉnh Giang Tô và phía Bắc tỉnh Triết Giang có 82 triệu dân chiếm 81% dân số của Thượng Hải, Giang Tô và Triết Giang, với mức thu nhập GDP hàng năm đạt khoảng 205 tỷ USD và xuất khẩu đạt 74 tỷ USD (con số năm 2001).

Thứ hai, khu vực châu thổ sông Châu Giang bao gồm thành phố Quảng Châu, Thâm Quyển, Hồng Kông, Ma Cao và một vài thành phố có liên kết gần tỉnh Quảng Đông. Dân số khu vực này khoảng 48 triệu người, GDP đạt khoảng 267 tỷ USD và xuất khẩu khoảng 195 tỷ USD (con số năm 2001).

Thứ ba, khu vực Vịnh Bột Hải gồm có Bắc Kinh với những khu vực vệ tinh như Thiên Tân, một phần của tỉnh Hà Bắc, Thanh Đảo thuộc tỉnh Sơn Đông... với số dân khoảng 80 triệu người.

Cả ba khu vực đầu tàu kinh tế ven biển Trung Quốc chỉ chiếm 3% diện tích lãnh thổ và 15% dân số cả nước nhưng đã sản xuất ra 45% tổng sản phẩm GDP cả nước, và chiếm trên 70% thương mại và đầu tư quốc tế (12).

11. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững vàng, hiện đại

Chỉ sau 55 năm xây dựng CNXH, đất nước Trung Quốc đã đổi thay, đặc biệt là hệ thống cơ sở hạ tầng của đất nước, bao gồm:

a. Đường bộ: Trung Quốc đã xây dựng, nâng cấp tổng chiều dài đường bộ cả nước khoảng 1,7 triệu km, 99,3% xã và thị trấn, 91,8% thôn đã có đường bộ nối liền nhau.

Trong đó, đường cao tốc có 19.000 km, đứng thứ hai trên thế giới.

b. Đường sắt: Trung Quốc xây dựng mới, nâng cấp tổng chiều dài đường sắt của cả nước trên 70.000km, đứng thứ ba trên thế giới. Sau 4 lần tăng tốc độ, hiện nay tốc độ bình quân của tàu tốc hành lên tới 92,76km/giờ.

c. Sân bay: Cả nước đã xây dựng 126 sân bay dân dụng, có 1.143 tuyến bay dân dụng trong nước và quốc tế. Năm 2001, hàng không dân dụng Trung Quốc đã chuyên chở 75,42 triệu hành khách và 14,1 tỷ tấn hàng hoá, xếp thứ 6 trên thế giới.

d. Bến cảng: Trung Quốc đã xây dựng được 5 bến cảng đạt mức bậc dỡ hàng trên 100 triệu tấn.

e. Các công trình trọng điểm: Trung Quốc bắt đầu xây dựng hơn 30 công trình quan trọng, to lớn tại miền Tây, với tổng số vốn đầu tư khoảng 600 tỷ NDT. Trong đó có 3 công trình lớn là dầu khí từ miền Tây sang Đông; tải điện từ Tây sang Đông; xây dựng đường sắt Thanh Hải - Tây Tạng. Công trình dẫn nước từ miền Nam lên Bắc đang thi công. Trạm thủy điện Tam Hiệp Trường Giang lớn nhất thế giới qua 10 năm xây dựng, nay đã ngăn kênh nối dẫn nước để xây trạm thủy điện (13).

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong 55 năm qua, Trung Quốc vẫn gặp phải nhiều thách thức trên con đường phát triển kinh tế trong tương lai.

Nếu như 30 năm xây dựng kinh tế theo mô hình Xô viết, Trung Quốc đã phát triển một cách trì trệ buộc họ phải tiến hành cải cách nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và vận hành theo quy luật kinh tế thị trường XHCN, thì trong 26 năm cải cách bên cạnh những thành tựu đã thu

được, theo chuyên gia bình luận Trung Quốc Lý Dục Thành trong quá trình cải cách mở cửa đó, mặc dù GDP tăng ở mức cao (trên 9%/năm), nhưng Trung Quốc vẫn chỉ là nước đang phát triển, pháp chế chưa được kiện toàn, chính phủ thiếu hiệu quả, phúc lợi xã hội thấp, chênh lệch giàu nghèo nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp cao. Trong khi đó, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng có trên 20 năm với mức tăng trưởng như vậy, nhưng lại sớm được đứng vào hàng ngũ các nước phát triển. Theo ông, có 4 nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên ở Trung Quốc:

Một là, mức tăng trưởng GDP cao nhưng không giúp thu nhập của người dân nâng cao, chênh lệch giàu nghèo trong xã hội ngày càng lớn, tình trạng phân phối bất công rất nghiêm trọng, phần lớn người dân không được hưởng thành quả của phát triển kinh tế.

Hai là, mô thức kinh doanh theo kiểu quảng canh, đầu tư cao, mức độ ô nhiễm cao không hài hoà, khó tuần hoàn và hiệu quả thấp. Tỷ lệ đầu tư và thu nhập ở Trung Quốc ở mức từ 35% - 50%, trong khi ở Mỹ chỉ cần 15%, bình quân của thế giới là 30%. Chính quyền địa phương đã tranh nhau dựa vào chính sách và điều kiện ưu đãi để thu hút đầu tư nước ngoài, hao phí nhiều sức người, sức của, thậm chí còn ra sức vay nợ để xây dựng nhiều "công trình bộ mặt, công trình tượng trưng". Có địa phương đã chi tiêu hết vốn ngân sách và tái tích lũy tài chính của hàng chục năm tới, bán đất quỹ nông nghiệp, tiêu phí nhiều tiền của của nhà nước cũng chỉ vì chỉ tiêu tăng trưởng GDP cao.

Ba là, tình trạng lãng phí tài nguyên đã tạo ra sự phá hoại nghiêm trọng đối với môi trường, làm giảm chất lượng cuộc sống của cả đất nước. Mức độ lợi dụng tổng hợp đối

với tài nguyên của Trung Quốc chỉ vào khoảng 33%, thấp hơn 10% so với các nước phát triển, trong khi mức độ tiêu hao tài nguyên lại cao hơn rất nhiều so với các nước này. Trung Quốc trước kia từng được gọi là quốc gia "rộng lớn nhiều tài nguyên", nhưng nay là quốc gia thiếu hụt tài nguyên nghiêm trọng. Số liệu thống kê cho thấy, tài nguyên nước bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ bằng 1/4 so với thế giới, tài nguyên rừng chỉ bằng 1/5; tài nguyên dầu mỏ chỉ bằng 11%; khí đốt tự nhiên là 4,5%; quặng sắt là 18%; quặng nhôm là 7,3%. Trong số 45 loại nguyên liệu quan trọng, tỷ lệ bình quân tính theo đầu người của Trung Quốc hiện nay khoảng bằng 1/2 so với thế giới. Thiếu hụt tài nguyên, nhưng lại không biết lợi dụng và tiết kiệm, chỉ chạy theo chỉ tiêu tăng trưởng GDP, lựa chọn biện pháp phát triển kinh tế "nóng" đã trở thành tình trạng phổ biến ở Trung Quốc trong suốt 26 năm cải cách mở cửa vừa qua.

Bốn là, chính quyền lũng đoạn thị trường và có nhiều đặc quyền đã dẫn đến tình trạng dựa vào quyền lực để mưu lợi, tham nhũng, hủ bại trong quan chức lãnh đạo ngày càng phổ biến. Tình trạng này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường xây dựng xã hội pháp trị và cạnh tranh bình đẳng.

Xã hội bất công bằng, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, nhân tố gây ra khủng hoảng xã hội ngày càng nhiều đang là những thách thức to lớn mà thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc phải đối mặt giải quyết (14).

*

55 năm xây dựng nền kinh tế XHCN ở Trung Quốc là chặng đường đầy vất vả, gian nan, nhưng cũng rất vinh quang. Bởi

vì 30 năm xây dựng CNXH kiểu cũ (1949-1978) Trung Quốc đã trải qua biết bao nhiêu khó khăn trong việc thực hiện mô hình kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp và 26 năm (1978-2004) Trung Quốc đã thành công và gạt hái những thành quả của công cuộc cải cách - mở cửa, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc. Hiện nay, cả thế giới đều biết đến Trung Quốc như một sự thần kỳ, như Napoléon đã từng nói: Khi con sư tử phương Đông (ý chỉ Trung Quốc-TG) đã bừng tỉnh, thì cả thế giới đều phải

kinh ngạc về sự thần kỳ của nó... Nhìn lại một chặng đường phát triển vừa qua, Trung Quốc đã thu được những thành tựu rực rỡ, song cũng gặp phải không ít những thách thức, trở ngại. Nhưng theo chúng tôi, với một tinh thần vượt non, chuyển núi, với sự lãnh đạo sáng tạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, với sự đoàn kết nhất trí cao của toàn dân, nhất định Trung Quốc sẽ vượt qua những thách thức, rào cản đó và trong tương lai Trung Quốc sẽ là cường quốc hàng đầu về kinh tế trên thế giới.

CHÚ THÍCH

(1), (3), (6). Đinh Công Tuấn. *Quá trình cải cách kinh tế - xã hội của CHND Trung Hoa từ 1978 đến nay*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 15-16, 135, 26.

(2), (4). *Lịch trình nước Trung Quốc mới (từ 1-10-1949 đến 1-10-1989)*. Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh, 1989, tr. 59, 177.

(5). Nguyễn Đức Sự (Chủ biên). *Trung Quốc trên đường cải cách*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 24.

(7). Lý Thiết Ảnh. *Cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 9.

(8). Kystyna Palonka. *Trung Quốc trở dậy - Thách thức mới đối với ASEAN và ASEM*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 5 (59) 2004, tr. 78-89.

(9). Đinh Công Tuấn. *Những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7-2004, tr. 58-66.

(10), (11). Nguyễn Văn Hồng (Chủ biên). *Trung Quốc cải cách mở cửa - Những bài học kinh nghiệm*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 6, 8.

(12). Kystyna Palonka. *Trung Quốc trở dậy - Thách thức mới đối với ASEAN và ASEM*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 5 (59) 2004, tr. 78-89.

(13). Tê Kiến Quốc. *Về những thành tựu cải cách mở cửa của Trung Quốc*. Trong: "Trung Quốc cải cách mở cửa - Những bài học kinh nghiệm. Sđd, tr. 5-10.

(14). Tin Kinh tế của TTXVN ngày 1-9-2004.

THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 7)

CHÚ THÍCH

(1). Xem: *Chánh cương vắn tắt của Đảng*. Trong *Văn kiện Đảng. Toàn tập*. Tập 2. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 2.

(2). Xem: *Luận cương Chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*. Trong *Văn kiện Đảng. Toàn tập*. Tập 2. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 95.

(3). *Trung ương Hội nghị lần thứ VIII Đảng Cộng sản Đông Dương*. Trong *Văn kiện Đảng. Toàn*

tập. Tập 7. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 130.

(4), (5), (6). *Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (họp ngày 25 - 28/2/1943)*. Trong *Văn kiện Đảng. Toàn tập*. Tập 7. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 298, 299.

(7). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. Tập 3. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 507.